

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐUỐC
TỈNH LONG AN

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐUỐC, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Cường.
- Bà Nguyễn Thị Bích Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương - Thư ký TAND huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên
tòa: Ông Phạm Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024
về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
74/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại cổ phần S (S1);

Địa chỉ trụ sở chính: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - chức vụ: Tổng
Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà D (theo Quyết định ủy
quyền số 3272/2022/QĐ – PL ngày 26/12/2022): Ông Trần Di T - chức vụ:
Trưởng Phòng G).

Ông T ủy quyền cho ông Võ Hồng L – Phó phòng G (Theo Văn bản ủy
quyền ngày 09/01/2024).

Địa chỉ nhận thông báo: 84B, khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long
An (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Tô Văn H, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số F, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (Yêu cầu giải quyết
vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2023 của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mai cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Võ Hồng L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Năm 2022, ông Tô Văn H có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Tô Văn H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng cá nhân; Lãi suất thẻ: 31,20%/năm. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 40.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 15.152.000 đồng (thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Tính đến ngày 12/8/2024, ông Tô Văn H còn nợ Ngân hàng các khoản sau: Dư nợ: 38.982.249 đồng; Lãi vay: 21.194.857 đồng, tổng cộng là 60.177.106 đồng. Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông H thanh toán nhưng ông H không thực hiện nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H phải thanh toán một lần hết số nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, bị đơn ông Tô Văn H trình bày: ông thừa nhận ngày 12/8/2022, ông có ký với Ngân hàng TMCP S Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ, ông đã rút ra sử dụng số tiền 40.000.000 đồng và có trả được số tiền khoảng 04 -05 triệu đồng. Ông thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng tiền gốc và tiền lãi theo như nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng. Hiện tại ông đang gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán nợ một lần cho Ngân hàng mà yêu cầu được trả dần. Ông H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức: căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Buộc ông Tô Văn H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng số tiền còn nợ đến ngày 12/8/2024 là 60.177.106 đồng gồm nợ gốc là 38.982.249 đồng, lãi vay 21.194.857 đồng. Ông H tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ. Bị đơn phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông [Tô Văn H](#) có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông [Tô Văn H](#).

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) khởi kiện ông [Tô Văn H](#) là vụ kiện “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1.] Căn cứ vào “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” ngày 12/8/2022 và lời trình bày của ông [Tô Văn H](#) thể hiện phía [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) căn cứ vào thu nhập thực tế của ông [Tô Văn H](#) có cấp thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng cho ông [H](#) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông [H](#) đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 40.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ ông [H](#) không thanh toán nợ đúng hạn cho ngân hàng, nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[3.3.] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, xét yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) đối với ông [Tô Văn H](#) là có căn cứ, nên được chấp nhận. Buộc ông [Tô Văn H](#) có trách nhiệm trả cho [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) số tiền vay còn nợ tính đến ngày 12/8/2024 là 60.177.106 đồng, gồm nợ gốc là 38.982.249 đồng, lãi vay 21.194.857 đồng, cùng lãi suất phát sinh đối với số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết kể từ ngày 13/8/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Đối với nội dung ông [Tô Văn H](#) yêu cầu trả dần tiền nợ nhưng [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#) không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông [H](#).

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông [Tô Văn H](#) phải chịu án phí để sung công quỹ Nhà nước. [H1](#) lại tiền tạm ứng án phí cho [Ngân hàng Thương Mai cổ phần S](#).

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) đối với ông [Tô Văn H](#) về việc “tranh chấp hợp đồng thế tín dụng”.

[2] Buộc ông [Tô Văn H](#) có trách nhiệm trả cho [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) số tiền vay còn nợ tính đến ngày 12/8/2024 là 60.177.106 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm lẻ sáu đồng*), trong đó nợ gốc là 38.982.249 đồng, nợ lãi là 21.194.857 đồng.

[3] Kể từ ngày 13/8/2024, ông [Tô Văn H](#) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” được [Ngân hàng Thương Mại cổ phần S](#) phê duyệt ngày 12/8/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Về án phí: Buộc ông [Tô Văn H](#) phải chịu 3.009.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. [H1](#) lại [Ngân hàng thương mại cổ phần S](#) tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.070.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010650 ngày 24/5/2024 của [Chi cục Thi hành dân sự huyện C](#), tỉnh Long An.

[5] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

[6] Về việc thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Trúc

